BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG
Số: 499/QĐ-KTKH-QLĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy năm 2014 (Đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 3858/2001/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 28/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "V/v thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng";

Căn cứ Quyết định số 694/2001/QĐ-BKH ngày 27/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy";

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng công nhận tốt nghiệp bậc Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy ngày 31 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy cho 40 học sinh, trong đó có 23 học sinh ngành Kế toán tổng hợp và 17 học sinh ngành Quản trị kinh doanh. Cụ thể:

- Ngành Kế toán tổng hợp:	***23 học sinh, trong đó:***
+ K34C:	01 học sinh
+ K35C:	01 học sinh
+ K36C:	21 học sinh
- Ngành Quản trị kinh doanh:	***17 học sinh, trong đó:***
+ K36Q:	17 học sinh

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Phòng Quản lý đào tạo, các Phòng, Khoa liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu:VT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

NGƯT.TS. Lê Quang Hùng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ KẾ - HOẠCH ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014 ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 499 /QĐ/KTKH-QLĐT ngày 23 tháng 12 năm 2014)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	TBC toàn khóa	Xếp loại	Ngành
1	Võ Thị	Hiền	25/10/1993	Quảng Trị	Nữ	K36C1	**6.2**	Trung bình	Kế toán TH
2	Nguyễn Thị	Hiệp	08/10/1994	Quảng Nam	Nữ	K36C1	**7.6**	Trung bình	Kế toán TH
3	Văn Thị	Hiếu	15/09/1993	Quảng Nam	Nữ	K36C1	**6.5**	Trung bình	Kế toán TH
4	Hồ Thị	Hòa	15/09/1994	Quảng Nam	Nữ	K36C1	**7.2**	Trung bình	Kế toán TH
5	Nguyễn Thành	Lâm	14/05/1992	Quảng Bình	Nam	K36C1	**5.8**	Trung bình	Kế toán TH
6	Đoàn Trần Diệu	Ly	02/01/1994	Quảng Nam	Nữ	K36C1	**6.6**	Trung bình	Kế toán TH
7	Dương Thị Hồng	Hoa	04/02/1994	Quảng Nam	Nữ	K36C2	**6.6**	Trung bình	Kế toán TH
8	Trương Tấn	Nin	24/11/1991	Đà Nẵng	Nam	K36C2	**7.4**	Trung bình	Kế toán TH
9	Nguyễn Thị	Thắm	27/02/1994	Quảng Trị	Nữ	K36C2	**6.3**	Trung bình	Kế toán TH
10	Hồ Thị Thu	Thảo	07/04/1993	Quảng Nam	Nữ	K36C2	**6.6**	Trung bình	Kế toán TH
11	Lê Thị Hoài	Thương	02/08/1994	Quảng Nam	Nữ	K36C2	**6.4**	Trung bình	Kế toán TH
12	Trần Thị	Duyên	30/07/1994	Quảng Trị	Nữ	K36C3	**6.9**	Trung bình	Kế toán TH
13	Lê Thị	Hương	20/06/1993	Quảng Bình	Nữ	K36C3	**6.2**	Trung bình	Kế toán TH
14	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	04/06/1993	TP Hồ Chí Minh	Nữ	K36C3	**6.2**	Trung bình	Kế toán TH
15	Nguyễn Ngọc Thành	Công	26/12/1993	Đà Nẵng	Nam	K36C4	**6.7**	Trung bình	Kế toán TH
16	Đoàn Thị Mỹ	Hương	20/03/1994	Quảng Nam	Nữ	K36C5	**6.3**	Trung bình	Kế toán TH
17	Phạm Trọng	Phú	17/06/1990	Đà Nẵng	Nam	K36C5	**6.5**	Trung bình	Kế toán TH
18	Mai Thị Minh	Tâm	03/10/1994	Quảng Nam	Nữ	K36C5	**6.1**	Trung bình	Kế toán TH
19	Nguyễn Thị Bích	Thủy	28/02/1994	Quảng Bình	Nữ	K36C5	**6.4**	Trung bình	Kế toán TH
20	Hồ Thị	Hoàn	03/10/1992	Quảng Trị	Nữ	K34C9	**6.5**	Trung bình	Kế toán TH

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	TBC toàn khóa	Xếp loại	Ngành
21	Trương Lê Phương	Thanh	01/11/1994	Quảng Bình	Nữ	K36C1	**6.4**	Trung bình khá	Kế toán TH
22	Hồ Sĩ	Băng	23/09/1994	Quảng Bình	Nam	K36C4	**6.2**	Trung bình khá	Kế toán TH
23	Nguyễn Thị Giang	Châu	25/12/1992	Đà Nẵng	Nữ	K35C9	**6.2**	Trung bình	Kế toán TH
24	Lê Thị Giang	Ái	01/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	K36Q1	**6.4**	Trung bình	Quản trị KD
25	Nguyễn Mạnh	Cường	01/01/1994	Quảng Trị	Nam	K36Q1	**6.9**	Trung bình	Quản trị KD
26	Phạm Thị Xuân	Diệp	14/01/1994	Quảng Nam	Nữ	K36Q1	**6.6**	Trung bình Khá	Quản trị KD
27	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	05/09/1994	Hà Tĩnh	Nữ	K36Q1	**6.6**	Trung bình	Quản trị KD
28	Nguyễn	Huế	05/05/1993	Quảng Bình	Nam	K36Q1	**7.4**	Khá	Quản trị KD
29	Lê Mộng	Lăng	12/01/1993	Bình Định	Nam	K36Q1	**6.4**	Trung bình Khá	Quản trị KD
30	Lê Trung	Ngọc	10/07/1993	Thừa Thiên Huế	Nam	K36Q1	**6.0**	Trung bình Khá	Quản trị KD
31	Lê Đăng Phước	Nguyên	22/10/1994	Đà Nẵng	Nam	K36Q1	**6.7**	Trung bình	Quản trị KD
32	Cao Minh	Sang	06/06/1994	Quảng Ngãi	Nam	K36Q1	**6.7**	Trung bình Khá	Quản trị KD
33	Nguyễn Thị	Thu	20/12/1992	Quảng Nam	Nữ	K36Q1	**6.8**	Trung bình Khá	Quản trị KD
34	Võ Văn	Thuyên	15/09/1991	Gia Lai	Nam	K36Q1	**6.5**	Trung bình Khá	Quản trị KD
35	Trần Quốc	Việt	25/06/1993	Quảng Nam	Nam	K36Q1	**7.1**	Khá	Quản trị KD
36	Lê Ánh	Kim	14/04/1994	Quảng Nam	Nữ	K36Q2	**6.3**	Trung bình Khá	Quản trị KD
37	Đỗ Thị Thảo	Liên	03/11/1994	Đà Nẵng	Nữ	K36Q2	**6.4**	Trung bình	Quản trị KD
38	Nguyễn Thị Bích	Liên	22/10/1994	Quảng Nam	Nữ	K36Q2	**6.4**	Trung bình Khá	Quản trị KD
39	Hồ Thị	Mai	14/09/1994	Quảng Nam	Nữ	K36Q2	**6.4**	Trung bình	Quản trị KD
40	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	04/11/1994	Quảng Nam	Nữ	K36Q2	**5.8**	Trung bình	Quản trị KD

(Danh sách này có 40 học sinh)

Người lập danh sách

Nguyễn Thị Thu Hằng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

TS. Lê Quang Hùng